CKDA
LICOGI

Số: 77 CV/CKĐA/VPHĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, này 07 tháng 7 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

- Mã chứng khoán: CKD
- Địa chỉ: Km 12+800, Quốc lộ 3, Tổ 6, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 38833818 Fax: 024 38832718
- Email: info@ckda.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Hồng Vân

(theo Ủy quyền số 0304A/CKĐA/HĐQT ngày 03/4/2019 của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty)

Điện thoại: 0972 511 525

2. Nội dung thông tin cung cấp: Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 30/6/2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/7/2021 tại đường link: www.ckda.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

M.S.D.N: 0100106391 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI H.ĐÔNG ANH - T.P HÀ NỘI

TRẦN THỊ HỒNG VÂN

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI
Ký ngày: 08/07/2021 17:45:44

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

CKDA

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 5
Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 6
Điều 1. Định nghĩa và giải thích từ ngữ 6
Điều 2. Tên, hình thức, tư cách pháp nhân, trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động 8
Điều 3. Mục tiêu hoạt động 9
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 12
Điều 5. Tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong CKĐA 12
Chương II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU 12
Điều 6. Vốn điều lệ 12
Điều 7. Cổ phần 13
Điều 8. Cổ phiếu 14
Điều 9. Phát hành trái phiếu: 15
Điều 10. Chào bán cổ phần 15
Điều 11. Bán cổ phần, trái phiếu 16
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần 16
Điều 13. Mua lại cổ phần 17
Điều 14. Trả cổ tức 19
Điều 15. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức 20
Chương III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CKĐA 20
MỤC 1. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CKĐA 20
Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý CKĐA. 20
Điều 17. Người đại diện theo pháp luật 20
Điều 18. Con dấu 21
MỤC 2. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 21
Điều 19. Cổ đông 21

Điều 20. Sổ đăng ký cổ đông 22
Điều 21. Quyền của cổ đông 23
Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông 25
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 24. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ 27
Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ 29
Điều 26. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ 30
Điều 27. Mời họp ĐHĐCĐ 30
Điều 28. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ 31
Điều 29. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ 32
Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ 32
Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ 34
Điều 32. Điều kiện để nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua 34
Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ 35
Điều 34. Biên bản họp ĐHĐCĐ 37
Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ 38
Điều 36. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ 38
MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT 38
Điều 37. Ban kiểm soát 38
Điều 38. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên 41
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Kiểm soát viên 41
Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát 42
Điều 41. Quyền hạn và nhiệm vụ của Kiểm soát viên 43
Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát 44
Điều 43. Biên bản họp Ban kiểm soát 45
Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 46
MỤC 4. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 46
Điều 45. Hội đồng quản trị 46

Điều 46. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT 48
Điều 47. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT 48
Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT 50
Điều 49. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT 50
Điều 50. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT 52
Điều 51. Cuộc họp HĐQT 53
Điều 52. Biên bản họp HĐQT 54
Điều 53. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT 55
Điều 54. Các ban, tiểu ban thuộc HĐQT 55
Điều 55. Người phụ trách quản trị công ty 55
MỤC 5. TỔNG GIÁM ĐỐC 56
Điều 56. Tổng giám đốc 56
Điều 57. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc 57
MỤC 6. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, LỢI ÍCH KHÁC VÀ NGHĨA VỤ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN HĐQT, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CKĐA 57
Điều 58. Thù lao, tiền lương, lợi ích khác của Kiểm soát viên, thành viên HĐQT và Tổng giám đốc 57
Điều 59. Công khai các lợi ích liên quan 58
Điều 60. Trách nhiệm của Người quản lý của CKĐA 59
Điều 61. Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc 61
Điều 62. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận 61
Điều 63. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp 62
MỤC 7. CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA CKĐA 63
Điều 64. Trình báo cáo hàng năm 63
Điều 65. Công khai thông tin của CKĐA 63
Điều 66. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ 64
MỤC 8. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN 64
Điều 67. Lao động và công đoàn 64
Chương IV. MỐI QUAN HỆ GIỮA CKĐA VỚI ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN 64
Điều 68. Quan hệ với đơn vị hạch toán phụ thuộc 64

Điều 69. Quan hệ với công ty con, công ty liên kết 65

Chương V. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH 65

Điều 70. Hệ thống kế toán 65

Điều 71. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh 65

Chương VI. GIẢI THỂ 66

Điều 72. Các trường hợp và điều kiện giải thể CKĐA 66

Điều 73. Trình tự, thủ tục giải thể CKĐA 66

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 67

Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ CKĐA 67

Điều 75. Điều khoản chung 67

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

Điều lệ này quy định về tổ chức, hoạt động của Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi và là cơ sở pháp lý cho các hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Bản Điều lệ này được thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi vào ngày 30 tháng 06 năm 2021. Các phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa và giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của CKĐA.

1.2. "**Công ty**" hoặc "**CKĐA**", tùy từng ngữ cảnh, được hiểu là Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi bao gồm cả các chi nhánh và văn phòng đại diện (nếu có).

1.3. "**Công ty mẹ**" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của một công ty khác *(công ty con)*;

b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của một công ty khác *(công ty con)*;

c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của một công ty khác *(công ty con)*.

1.4. "**Công ty liên kết**" là doanh nghiệp mà CKĐA nắm giữ một phần vốn điều lệ và chưa đủ điều kiện để trở thành công ty mẹ.

1.5. "**Đại hội đồng cổ đông**", tùy từng ngữ cảnh, được hiểu là Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") của CKĐA, hoặc đơn thuần chỉ là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần nói chung theo quy định của pháp luật.

1.6. "**Địa chỉ liên lạc**" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.

1.7. "**Đơn vị thành viên**" là công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc của CKĐA như: chi nhánh, văn phòng đại diện…

1.8. "**Giấy tờ pháp lý của cá nhân**" là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

1.9. "**Giấy tờ pháp lý của tổ chức**" là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

1.10. "**Hội đồng quản trị**", tùy từng ngữ cảnh, được hiểu là Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") của CKĐA, hoặc đơn thuần chỉ là cơ quan quản trị công ty nói chung theo quy định của pháp luật.

1.11. "**Không phản đối**" có nghĩa là một thủ tục được quy định tại Điểm g, Khoản 3 Điều 56 Điều lệ này, theo đó, Tổng giám đốc sẽ chưa được ký bất kỳ hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CKĐA nếu không thuộc phạm vi phân cấp, ủy quyền thường xuyên *(hoặc ủy quyền cụ thể từng lần)* của HĐQT tại Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA cho

Tổng giám đốc và HĐQT chưa đưa ra ý kiến "không phản đối". Ngay cả khi HĐQT có ý kiến "không phản đối" thì cũng chỉ được coi là một giao ước để Tổng giám đốc ký hợp đồng mà không ràng buộc trách nhiệm pháp lý của HĐQT đối với các nội dung triển khai không đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA và/hoặc gây thiệt hại cho CKĐA từ hành động ký các loại hợp đồng nói trên của Tổng giám đốc.

1.12. "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 26/11/2020.

1.13. "**Luật Chứng khoán**" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

1.14. "**Người quản lý doanh nghiệp**" là người quản lý công ty bao gồm thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.

1.15. "**Người quản lý của CKĐA**" hoặc "**Người quản lý**" có nghĩa là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng phòng hoặc các chức danh tương đương và các chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ này.

1.16. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với CKĐA được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

1.17. "**Người có quan hệ gia đình**" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

1.18. "**Pháp luật**" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.

1.19. "**Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA**" có nghĩa là tất cả các quy chế, quy định, quy trình và văn bản có tính chất tương tự về điều hành, quản lý hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản nói trên.

1.20. "**Tổ chức lại CKĐA**" có nghĩa là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của CKĐA.

1.21. "**Vốn điều lệ**" là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này".

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác

sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề *(chương, mục, điều)* của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nhưng không được giải thích lại tại khoản 1 Điều này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự.

Điều 2. Tên, hình thức, tư cách pháp nhân, trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi
- Tên tiếng Anh: Dong Anh Licogi Mechanical Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CKĐA.,JSC
- Logo:

CKĐA

Mô tả logo: Nhãn hiệu là tên viết tắt của Công ty mang màu xanh da trời đậm.

2. Hình thức, tư cách pháp nhân

CKĐA là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ này. CKĐA có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trụ sở chính của CKĐA

- Địa chỉ : Km 12+800, Quốc lộ 3, Tổ 6, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (84-24) 38833818
- Fax : (84-24) 38832718
- Email : info@ckda.vn
- Website : www.ckda.vn

4. Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của CKĐA.

5. CKĐA có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của CKĐA trong phạm vi pháp luật cho phép và phù hợp với nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

6. CKĐA mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các Tổ chức tín dụng được phép theo quy định của pháp luật. CKĐA sẽ thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản này.

7. Trừ khi pháp luật có quy định khác hoặc CKĐA chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 71 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của CKĐA là vô thời hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động

a) Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất - kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động của CKĐA;

c) Đóng góp cho xã hội.

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Đúc sắt thép	2431 (Chính)
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	6619
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
5	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Nấu và tôi luyện thép, các sản phẩm đúc	2410
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hóa chất công nghiệp tinh khiết và hóa chất thí nghiệm (trừ hóa chất nhà nước cấm); vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, sản phẩm đúc, cơ khí và luyện kim	8299
7	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế và thi công các cấu kiện và sản phẩm nhôm	2420

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình	4662
9	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Triển khai các dịch vụ thông tin khoa học công nghệ	7490
10	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế và chế tạo các sản phẩm: phụ tùng máy xây dựng, thiết bị trong ngành xây dựng; Thiết kế máy xây dựng	7410
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); - Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp	7110
12	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: Chế tạo, lắp ráp máy xây dựng; Sản xuất, lắp ráp các thiết bị chịu áp lực; Chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian; Sản xuất phụ tùng, phụ kiện, thiết bị máy cho ngành xây dựng	2824
13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng, dầu mỡ các loại	4661
14	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại	2511
15	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa, đại tu ô tô, máy kéo	4520

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
16	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Lắp đặt thiết bị công trình xây dựng cấp 4	4329
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm đúc, luyện kim, cơ khí, phụ tùng, thiết bị và vật liệu bôi trơn theo nhu cầu thị trường	4669
18	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
19	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
20	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: Nghiên cứu thép hợp kim để chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng và công nghiệp	7212
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
23	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Đại lý các sản phẩm đúc, luyện kim, cơ khí, phụ tùng, thiết bị và vật liệu bôi trơn theo nhu cầu thị trường	4610
24	Cung ứng lao động tạm thời	7820
25	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động	7830
26	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hàng kim khí điện máy, điện lạnh	4649
27	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị hàng kim	3312

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	khí điện máy, điện lạnh	
28	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
29	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. CKĐA được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật.

2. CKĐA có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực, ngành nghề khác theo quy định của pháp luật nếu được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê chuẩn theo quy định tại Điều lệ này.

3. CKĐA có phạm vi kinh doanh và hoạt động ở cả trong và ngoài nước.

Điều 5. Tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong CKĐA

1. Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong CKĐA hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và Điều lệ của tổ chức mình.

2. CKĐA có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong CKĐA; không gây cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

Chương II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của CKĐA tại thời điểm Điều lệ này được ĐHĐCĐ thông qua là 310.000.000.000 đồng *(Ba trăm mười tỷ đồng)* và CKĐA không có cổ đông sáng lập.

2. Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

3. CKĐA có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác.

4. CKĐA có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong CKĐA theo quyết định của ĐHĐCĐ, với điều kiện là CKĐA đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai *(02)* năm kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp *(trừ trường hợp pháp luật có quy định khác)* và sau khi đã hoàn trả cho cổ đông vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ cùng nghĩa vụ tài sản khác;

b) Mua lại cổ phần đã phát hành theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

Điều 7. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của CKĐA có mệnh giá là 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*). Số lượng cổ phần của CKĐA bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá cổ phần.

2. Toàn bộ cổ phần của CKĐA vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Đối với cổ phần phổ thông bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty theo cam kết làm việc lâu dài khi cổ phần hóa, số cổ phần này chịu hạn chế chuyển nhượng và các ràng buộc theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

4. CKĐA có cổ phần phổ thông và có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông, người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi của CKĐA gồm các loại sau đây:

a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;

b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;

c) Cổ phần ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và được ĐHĐCĐ thông qua.

5. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức ổn định hàng năm, hoặc mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của CKĐA. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

6. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được CKĐA hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

7. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT quyết định theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.

8. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.

9. Cổ phần được quyền chào bán là tổng số cổ phần các loại mà ĐHĐCĐ quyết định sẽ chào bán để huy động vốn.

10. Cổ phần đã bán là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho CKĐA.

11. Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho CKĐA. Hết thời hạn thanh toán:

a) Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên chưa phải là cổ đông của CKĐA (Nếu trước đó chưa sở hữu bất kỳ cổ phiếu nào của CKĐA) và không được

chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp ĐHĐCĐ hoặc HĐQT có quyết định khác;

b) Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác và không được hưởng các quyền liên quan đến số cổ phần này như: quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phần chào bán mới… trừ trường hợp ĐHĐCĐ hoặc HĐQT có quyết định khác;

c) Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và HĐQT được quyền quyết định phương án bán tiếp số cổ phần này cho cá nhân, tổ chức phù hợp.

Điều 8. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do CKĐA phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của CKĐA. Cổ phiếu của CKĐA có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của CKĐA;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

e) Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của CKĐA;

f) Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông của CKĐA và ngày phát hành cổ phiếu;

g) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật đối với cổ phần ưu đãi *(mức được biểu quyết, thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết…)*;

h) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và HĐQT.

2. Mỗi cổ đông sẽ được CKĐA cấp cổ phiếu theo từng loại cổ phần để ghi nhận số vốn góp. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.

3. Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sau khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần, nếu có yêu cầu sẽ được CKĐA cấp miễn phí một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong vòng ba mươi (30) ngày *(hoặc thời hạn dài hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của HĐQT về việc phát hành hay chuyển nhượng).*

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do CKĐA phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của CKĐA chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác (cháy, tẩy xóa, tiêu hủy…) thì cổ đông được CKĐA cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và phải thanh toán cho CKĐA mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại cổ phiếu. Đề nghị của cổ

đông phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về tất cả tranh chấp phát sinh *(nếu có)* từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Phát hành trái phiếu

1. CKĐA có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật. HĐQT có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết, quyết định của HĐQT về phát hành trái phiếu.

2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, CKĐA không được phát hành trái phiếu nếu:

a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành;

b) Không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó.

3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần, CKĐA sẽ thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan. Đồng thời, thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc CKĐA tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán ra công chúng;

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. CKĐA thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và chào bán cổ phần riêng lẻ theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp CKĐA tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại CKĐA, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì HĐQT có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông khác của CKĐA hoặc người khác theo cách thức hợp lý với

điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.

Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của CKĐA. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, CKĐA sẽ phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. CKĐA có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong CKĐA.

5. CKĐA thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 11. Bán cổ phần, trái phiếu

1. Cổ phần, trái phiếu do CKĐA phát hành có thể được mua bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản phù hợp khác theo quy định của pháp luật, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và phải được thanh toán đủ một lần.

2. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của cổ phần tại thời điểm gần nhất (bao gồm giá trị vốn điều lệ và các quỹ không chia), trừ các trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại CKĐA;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc ủy quyền cho HĐQT quyết định;

d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp quy định tại Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. Đối với các trường hợp hạn chế chuyển nhượng, CKĐA sẽ ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Trừ trường hợp pháp luật hoặc ĐHĐCĐ có quy định khác Cổ phần mà người lao động của CKĐA mua ưu đãi không được chuyển nhượng trong thời gian cam kết làm việc lâu dài. Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho CKĐA toàn bộ số cổ phần đó theo giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm CKĐA cổ phần hóa. Nếu do CKĐA tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy

định của pháp luật về lao động trước thời hạn cam kết thì số cổ phần này sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của CKĐA và phải thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông theo quy định của CKĐA.

5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng, cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại CKĐA cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng, cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của CKĐA và phải thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông theo quy định của CKĐA.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của CKĐA từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.

8. CKĐA phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 13. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

a) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết, quyết định về việc Tổ chức lại CKĐA hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu CKĐA mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó, nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu CKĐA mua lại, và phải gửi đến CKĐA trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết, quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Trừ khi pháp luật có quy định khác, trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, CKĐA mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận với cổ đông trên cơ sở giá tham chiếu do CKĐA đưa ra tại thời điểm đề nghị mua lại. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán số cổ phần này cho người khác hoặc CKĐA giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng, các bên sẽ sử dụng giá do tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp được chọn là giá mua-bán cổ phần.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của CKĐA

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, CKĐA có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức theo quy định sau đây:

a) HĐQT quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trường hợp khác do ĐHĐCĐ quyết định;

b) HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Đối với cổ phần loại khác, giá mua lại là giá thỏa thuận với người sở hữu cổ phần, bảo đảm lợi ích hợp pháp của CKĐA;

c) CKĐA mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong CKĐA. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của CKĐA sẽ được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua, trừ khi pháp luật có quy định khác. Thông báo có tên, địa chỉ trụ sở chính của CKĐA, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho CKĐA.

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được CKĐA trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày CKĐA thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông. CKĐA chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

a) CKĐA chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, CKĐA vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. CKĐA sẽ làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được CKĐA mua lại trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác;

c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với CKĐA;

d) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, sau khi thanh toán hết số cổ phần mua

lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của CKĐA giảm hơn 10% thì CKĐA sẽ thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 14. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho mỗi cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của CKĐA. CKĐA chỉ chi trả cổ tức của cổ phần khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ CKĐA và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, CKĐA vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;

d) Được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của CKĐA hoặc bằng tài sản phù hợp khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Nếu chi trả bằng tiền thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác:

a) Cổ tức được thanh toán đầy đủ trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên;

b) HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức;

c) Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông, chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện chi trả cổ tức. Thông báo có các nội dung sau đây:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính của CKĐA;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân, hoặc

- Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

- Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của CKĐA.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ CKĐA.

(10) Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, CKĐA không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 10 Điều lệ này và phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức, trừ khi pháp luật có quy định khác.

Điều 15. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại hoặc trả cổ tức trái quy định của pháp luật và Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho CKĐA số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho CKĐA thì tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CKĐA trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CKĐA

MỤC 1. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CKĐA

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý CKĐA

CKĐA được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau đây:

a) ĐHĐCĐ;

b) HĐQT;

c) Ban kiểm soát;

d) Tổng giám đốc.

Điều 17. Người đại diện theo pháp luật

1. CKĐA có một Người đại diện theo pháp luật và do HĐQT quyết định bổ nhiệm đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và chiến lược phát triển, yêu cầu quản trị, đặc điểm hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA trong từng thời kỳ.

2. Người đại diện theo pháp luật của CKĐA phải cư trú tại Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 2 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của CKĐA trở lại làm việc tại CKĐA hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật.

4. Trừ khi pháp luật có quy định khác, trường hợp Người đại diện theo pháp luật bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; hoặc vắng

mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật, HĐQT cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của CKĐA.

5. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của CKĐA;

b) Trung thành với lợi ích của CKĐA; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của CKĐA, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của CKĐA để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho CKĐA về việc mình và Người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

d) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

6. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với các thiệt hại cho CKĐA do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 18. Con dấu

1. HĐQT quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu của CKĐA. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật, với nội dung thể hiện tên và mã số doanh nghiệp của CKĐA.

2. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu của CKĐA thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA.

3. Trước khi sử dụng, CKĐA thông báo mẫu con dấu với Cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.

MỤC 2. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Cổ đông

1. Cổ đông là người sở hữu tối thiểu một cổ phần của CKĐA trở lên, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của CKĐA.

3. Người đại diện theo ủy quyền

a) Cổ đông có thể chỉ định một hay nhiều Người đại diện theo ủy quyền, trong đó, cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền nhiều người đại diện, các cổ đông còn lại chỉ được ủy quyền cho một (01) người đại diện, trừ trường hợp ĐHĐCĐ

có quyết định khác. Trường hợp có nhiều hơn một Người đại diện theo ủy quyền được chỉ định thì cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định cụ thể số cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần của cổ đông sẽ được chia đều cho số lượng Người đại diện theo ủy quyền;

b) Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải bằng văn bản và thông báo cho CKĐA, đồng thời, chỉ có hiệu lực đối với CKĐA kể từ ngày nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

- Số lượng Người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi Người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng Người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Người đại diện theo ủy quyền, trong đó, ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

- Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của Người đại diện theo ủy quyền.

c) Việc chỉ định, chấm dứt một Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm cuối cùng trong các thời điểm sau:

- Ngày CKĐA nhận được văn bản chỉ định, thay đổi hoặc chấm dứt;

- Ngày cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhận được văn bản chỉ định, thay đổi hoặc chấm dứt;

- Ngày khác được ghi cụ thể trong văn bản chỉ định, thay đổi hoặc chấm dứt.

d) Người đại diện theo ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và không được hưởng thù lao của CKĐA về việc thực hiện công việc ủy quyền. Đồng thời, không được ủy quyền tiếp cho người khác (bao gồm cả việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ) nếu chưa được sự đồng ý của cổ đông ủy quyền và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình;

e) Mỗi cổ đông phải bảo đảm rằng Người đại diện theo ủy quyền của mình có khả năng và mong muốn hành động với tư cách là đại diện theo ủy quyền trước ĐHĐCĐ và cam kết mình sẽ bảo đảm rằng Người đại diện theo ủy quyền đó sẽ không cố tình vắng mặt hoặc không tham dự ĐHĐCĐ mà không có lý do chính đáng nhằm ngăn cản hoạt động của CKĐA;

f) Mỗi cổ đông phải bồi hoàn cho CKĐA đối với mọi khiếu nại phát sinh từ hành động sai trái, gian lận, cố ý sai phạm do Người đại diện theo ủy quyền của mình gây ra trong thời gian người đó đại diện cho cổ đông và đối với mọi khiếu nại phát sinh từ việc bãi nhiệm Người đại diện theo ủy quyền khỏi chức vụ của người đó do sự gian lận của Người đại diện theo ủy quyền.

Điều 20. Sổ đăng ký cổ đông

1. CKĐA có trách nhiệm lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông của CKĐA có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của CKĐA;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với CKĐA để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. CKĐA không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 21. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Trường hợp cổ đông là tổ chức mới sát nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì cổ đông đó phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp luật về việc sát nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để HĐQT quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và các nội dung có liên quan khác đến quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật;

b) Được đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;

c) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;

d) Được ưu tiên mua hoặc có quyền mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong CKĐA;

e) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

f) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu

quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ CKĐA, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

h) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại CKĐA khi CKĐA giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:

a) Nhận cổ tức theo quy định của CKĐA đối với cổ phần ưu đãi cổ tức;

b) Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại CKĐA sau khi CKĐA đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại trong trường hợp CKĐA giải thể hoặc phá sản;

c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ các quyền: biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ các quyền: biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của CKĐA khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của CKĐA; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Yêu cầu CKDA mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

e) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp CKDA có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

f) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do CKDA công bố theo quy định của pháp luật;

g) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu (06) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế, trừ khi pháp luật có quy định khác.

Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản và có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của CKĐA, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

7. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát quy định tại khoản 6 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho HĐQT và các cổ đông dự họp biết ít nhất một (01) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA; chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

2. Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi CKĐA dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được CKĐA hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông

rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan phải cùng liên đới phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CKĐA trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CKĐA trong phạm vi số vốn đã góp vào CKĐA.

4. Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của CKĐA.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh CKĐA dưới mọi hình thức khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với CKĐA.

6. Cung cấp chính xác, kịp thời các thông tin để ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của CKĐA.

7. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

8. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

9. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của CKĐA.

2. ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của CKĐA, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh

doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của CKĐA;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành cổ phần;

c) Quyết định số lượng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên của từng nhiệm kỳ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, Kiểm soát viên phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CKĐA, bao gồm cả việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, thành lập công ty con, công ty liên kết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ CKĐA;

f) Thông qua báo cáo tài chính và phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho CKĐA và cổ đông của CKĐA;

i) Quyết định giải thể, Tổ chức lại CKĐA và chỉ định người thanh lý;

j) Phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính của CKĐA;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 24. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác:

a) ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp được Cơ quan có thẩm quyền gia hạn, có thể họp trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- Kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoạt động hàng năm của CKĐA;

- Báo cáo tài chính hàng năm;
- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh của CKĐA;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này (nếu thấy cần thiết).

3. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của CKĐA;

b) Số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày:

a) Số thành viên HĐQT còn lại theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, hoặc

b) Nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và d khoản 3 Điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CKĐA.

5. Trừ khi pháp luật có quy định khác, trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho CKĐA.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này có quyền đại diện CKĐA triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các khoản 4,5 và 6 Điều này sẽ được CKĐA hoàn lại. Các chi phí này không bao gồm chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn, ở và đi lại.

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. CKĐA phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ có Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý của CKĐA phải cung cấp kịp thời thông tin Sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông thực hiện như sau:

a) Cổ đông liên hệ bộ phận quan hệ cổ đông của CKĐA và xuất trình Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, đồng thời, cung cấp số, ngày đăng ký cổ đông tại Sổ đăng ký cổ đông của CKĐA và văn bản đề nghị kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ hoặc yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hay bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp (**"Văn bản tra cứu"**) nếu là cá nhân; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người được cổ đông ủy

quyền, giới thiệu và Văn bản tra cứu nếu là tổ chức, trong đó, nêu rõ tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày đăng ký cổ đông tại Sổ đăng ký cổ đông của CKĐA, yêu cầu cụ thể đối với thông tin và họ, tên, thông tin nhân thân người được cổ đông giới thiệu, ủy quyền kiểm tra, tra cứu, nhận sao chép, trích lục thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông (nếu có);

b) Sau khi kiểm tra tư cách cổ đông, nếu đúng là cổ đông của CKĐA thì trong giờ làm việc của đơn vị lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông, bộ phận quan hệ cổ đông của CKĐA sẽ tạo điều kiện để cổ đông (hoặc người được cổ đông ủy quyền, giới thiệu) kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Các nhu cầu về trích lục, sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, sửa đổi thông tin sai lệch, bổ sung thông tin cần thiết về cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ sẽ được CKĐA thực hiện trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu nhưng không muộn hơn ngày khai mạc ĐHĐCĐ, trừ trường hợp phải thẩm tra, xác minh sẽ thực hiện sau khi có kết quả thẩm tra, xác minh.

Điều 26. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản, ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và được gửi đến CKĐA chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc.

3. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

c) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 27. Mời họp ĐHĐCĐ

1. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của CKĐA; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định việc đăng đồng thời trên website của CKĐA và đăng trên ít nhất một trang báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương.

3. Thông báo mời họp được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết, quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

4. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên website của CKĐA. Trường hợp này, thông báo mời họp sẽ ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 28. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu do CKĐA phát hành. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông phải bao gồm các chữ ký theo quy định sau:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức lại là người ủy quyền cho người khác dự họp thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người này, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;

c) Các trường hợp khác phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

2. Trường hợp luật sư thay mặt cho bên ủy quyền ký văn bản chỉ định đại diện thì việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu văn bản chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với văn bản ủy quyền cho luật sư của bên ủy quyền hoặc bản sao hợp lệ của văn bản ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với CKĐA).

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bên ủy quyền chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Bên ủy quyền đã hủy bỏ hoặc chấm dứt việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp CKĐA nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đến ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thì bên nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho bên chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 29. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trừ khi pháp luật có quy định khác, cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

1. Tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ theo danh sách cổ đông có quyền dự họp trước khi khai mạc cuộc họp.

2. Bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp Phó Chủ tịch HĐQT cũng vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được

người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. ĐHĐCĐ thông qua chương trình và nội dung họp trong phiên khai mạc, trong đó, xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng chương trình phần mềm của một đơn vị chuyên nghiệp do CKĐA thuê thực hiện, hoặc bằng cách thu phiếu biểu quyết rồi kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

7. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ ngay cả khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trừ khi pháp luật có quy định khác, thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ

ngày cuộc họp dự định khai mạc. ĐHĐCĐ họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại ĐHĐCĐ bị trì hoãn trước đó.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ khi pháp luật có quy định khác, các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho CKĐA và cổ đông của CKĐA.

Điều 32. Điều kiện để nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý CKĐA;

e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CKĐA;

f) Tổ chức lại CKĐA, giải thể CKĐA;

g) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Mọi nghị quyết, quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết, quyết định được thông qua, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, đồng thời, có thể được đăng tải trên website của CKĐA thay cho việc gửi bằng văn bản đến cho cổ đông.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấycần thiết vì lợi ích của CKĐA.

2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 25 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của CKĐA;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh

nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về CKĐA phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến CKĐA theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo ủy quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về CKĐA phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về CKĐA qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về CKĐA sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là phiếu biểu quyết không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. Phiếu được gửi về nhưng là phiếu không lựa chọn phương án biểu quyết nào và/hoặc không có chữ ký của cổ đông hay người được ủy quyền cũng được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý CKĐA.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của CKĐA;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó, phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của CKĐA, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách

nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, biên bản kiểm phiếu được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của CKĐA.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của CKĐA.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 34. Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của CKĐA;

b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó, ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, biên bản họp ĐHĐCĐ được gửi đến tất cả cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của CKĐA.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CKĐA.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết, quyết định hoặc một phần nội dung nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ này;

b) Nội dung nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này;

Điều 36. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

1. Các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.

2. Các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, để thay mặt cho cổ đông kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan, trung thực tình hình tài chính và mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh, quản trị, điều hành của CKĐA. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên (Nhiệm kỳ đầu tiên (2014-2019) có 03 thành viên), trong đó, hơn một nửa số Kiểm soát viên phải thường trú tại Việt Nam. Số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định, bảo đảm phù hợp yêu cầu quản trị, chiến lược phát triển và đặc thù hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA trong từng thời kỳ.

Trừ khi pháp luật có quy định khác, việc đề cử ứng viên bầu làm Kiểm soát viên được thực hiện theo nguyên tắc cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền đề cử theo cơ chế sau đây:

a) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên;

b) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên;

c) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên;

d) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên;

e) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 ứng viên;

f) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 ứng viên;

g) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 ứng viên;

h) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên;

Quy định về thời hạn nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết nêu trên không áp dụng đối với việc đề cử ứng viên bầu làm Kiểm soát viên tại kỳ ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Kiểm soát viên có thể đương nhiên bị mất tư cách, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc được ĐHĐCĐ bầu bổ sung hay thay thế thành viên đương nhiên bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ; khi đó, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ, trừ khi pháp luật có quy định khác.

4. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành CKĐA;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính tại CKĐA;

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất - kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của CKĐA, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHCĐCĐ;

d) Rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của CKĐA;

e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của CKĐA, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của CKĐA khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;

f) Thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này và báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu đến HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó trong thời hạn mười lăm (15) ngày, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của CKĐA.

g) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của CKĐA;

h) Thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 60 Điều lệ này;

i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của CKĐA;

j) Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những Người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cổ đông lớn của CKĐA;

k) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của CKĐA và có thể tuyển dụng một số lao động giúp việc trực tiếp Ban kiểm soát theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

l) Có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

m) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của CKĐA; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của CKĐA, bãi nhiệm kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Xây dựng quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thông qua;

o) chuẩn bị báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên với nội dung theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều của Luật Chứng khoán;

p) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 38. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.

2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người quản lý, Người đại diện theo ủy quyền của CKĐA, Người quản lý doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết của CKĐA.

3. Không đồng thời đảm nhiệm một trong các vị trí sau đây:

a) Người quản lý của CKĐA hoặc Người quản lý doanh nghiệp của công ty con của CKĐA;

b) Người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp mà Kiểm soát viên của doanh nghiệp đó đang là Người quản lý của CKĐA.

4. Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của CKĐA và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của CKĐA.

5. Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của CKĐA.

6. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp, tốt nghiệp đại học trở lên ưu tiên các chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật, quản trị kinh doanh, kinh tế, tài chính, với ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng.

7. Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, trung thực và hiểu biết pháp luật.

8. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau đây:

a) Mất năng lực hành vi dân sự;

b) Chết, mất tích;

c) Bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

d) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà Kiểm soát viên đó là Người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;

e) Cổ đông là tổ chức hủy bỏ/chấm dứt tư cách Người đại diện theo ủy quyền của Kiểm soát viên đó;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trừ khi pháp luật có quy định khác, Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định Điều 38 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp khuyết Kiểm soát viên mà các Kiểm soát viên còn lại không có chuyên môn về tài chính, kế toán, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị HĐQT lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

5. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách, các Kiểm soát viên còn lại có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu Trưởng Ban kiểm soát mới trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách.

6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất ĐHĐCĐ sẽ bầu Kiểm soát viên mới thay thế cho Kiểm soát viên đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung Kiểm soát viên còn thiếu.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp, có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chuẩn bị chương trình các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả Kiểm soát viên liên quan đến các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Điều lệ này;

b) Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban kiểm soát;

c) Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu HĐQT họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

d) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập, chủ trì các cuộc họp bất thường của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

e) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

f) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Kiểm soát viên theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Giám sát, chỉ đạo các Kiểm soát viên trong việc thực hiện những công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

g) Đảm bảo các Kiểm soát viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian tối thiểu cần thiết để nghiên cứu, thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;

h) Ủy quyền cho một Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

i) Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

j) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ;

k)Các trách nhiệm của Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này;

l) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Quyền hạn và nhiệm vụ của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ CKĐA, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, theo đúng phân công của Trưởng Ban kiểm soát và tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của CKĐA.

3. Trung thành với lợi ích của CKĐA và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của CKĐA, lợi dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của CKĐA để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan, trung thực tình hình tài chính và hoạt động sản xuất - kinh doanh, quản trị, điều hành của CKĐA trong phạm vi lĩnh vực được Trưởng Ban kiểm soát phân công, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

6. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung của cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì xung đột lợi ích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản họp HĐQT nếu ý kiến đó khác với quyết định của HĐQT và được báo cáo trực tiếp lên ĐHĐCĐ.

8. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp bất thường Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

9. Yêu cầu HĐQT họp bất thường hoặc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

10. Yêu cầu Tổng giám đốc, các Người quản lý khác và Người đại diện theo ủy quyền của CKĐA tại công ty con, công ty liên kết của CKĐA cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA và các đơn vị có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của mình.

11. Các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.

12. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 đến khoản 11 Điều này mà gây thiệt hại cho CKĐA hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho CKĐA.

13. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Trưởng Ban kiểm soát được bầu trong cuộc họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ Ban kiểm soát và trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Kiểm soát viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Kiểm soát viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Ban kiểm soát họp tại trụ sở chính của CKĐA hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát triệu tập khi xét thấy cần thiết, ít nhất hai (02) lần trong một năm.

4. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐQT;

b) Có đề nghị của ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

5. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp

Ban kiểm soát trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập họp Ban kiểm soát theo đề nghị thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với CKĐA; người đề nghị có quyền thay thế Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát.

6. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người triệu tập họp Ban kiểm soát phải gửi thông báo mời họp chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của Kiểm soát viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký với CKĐA của từng Kiểm soát viên.

7. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (⅔) tổng số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (½) số Kiểm soát viên dự họp.

8. Kiểm soát viên được coi là tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Nếu pháp luật không có quy định khác, trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Trưởng Ban kiểm soát chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số Kiểm soát viên dự họp có quyền tham gia biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Số lượng Kiểm soát viên tham gia lấy ý kiến bằng văn bản phải từ hai phần ba (⅔) số lượng Kiểm soát viên trở lên của Ban kiểm soát.

9. Kiểm soát viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát. Kiểm soát viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số Kiểm soát viên còn lại chấp thuận.

Điều 43. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các Kiểm soát viên tham dự cuộc họp ký tên, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các Kiểm soát viên và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại CKĐA bởi Ban kiểm soát.

Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên HĐQT.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do CKĐA phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của CKĐA lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý, nhân viên của CKĐA và Người đại diện theo ủy quyền của CKĐA tại công ty con, công ty liên kết của CKĐA trong giờ làm việc.

5. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

MỤC 4. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 45. Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý CKĐA, có toàn quyền nhân danh CKĐA để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của CKĐA không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quản trị CKĐA theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA, bảo đảm vì lợi ích của CKĐA và cổ đông;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của CKĐA;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng

loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của CKĐA;

f) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được CKĐA chào bán trong mười hai (12) tháng;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CKĐA, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và trường hợp quy định tại Điều 62 Điều lệ này;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc chức danh tương đương tại CKĐA (Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Chi nhánh/Công ty phụ thuộc) và Thư ký CKĐA theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những đối tượng này; cử Người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, HĐQT hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của CKĐA;

l) Quyết định bộ máy tổ chức của CKĐA, quyết định số lượng và cơ cấu tổ chức của các phòng, ban, phân xưởng và đơn vị tương đương của CKĐA, các quy chế quản lý nội bộ của CKĐA. Quyết định thành lập công ty con, quyết định thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, thoái vốn của doanh nghiệp khác trên cơ sở nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;

n) Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của CKĐA phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và Ban kiểm soát hoặc những vấn đề đã phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc;

o) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc Tổ chức lại CKĐA, giải thể, yêu cầu phá sản CKĐA;

r) Kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung điều lệ CKĐA;

s) Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; Ban hành Quy chế về công bố thông tin của CKĐA;

t) HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua fax, thư điện tử theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho CKĐA thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho CKĐA; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, trừ khi pháp luật có quy định khác, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 46. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. HĐQT có từ ba (03) đến năm (05) thành viên (Nhiệm kỳ 2014-2019 có 05 thành viên). Số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định, bảo đảm phù hợp yêu cầu quản trị, chiến lược phát triển và đặc thù hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA trong từng thời kỳ.

Việc đề cử ứng viên bầu làm thành viên HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc và cơ chế như đối với Kiểm soát viên quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ này .

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục

Thành viên HĐQT có thể đương nhiên bị mất tư cách, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc được ĐHĐCĐ bầu bổ sung hay thay thế thành viên đương nhiên bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ; khi đó, nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên HĐQT được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT, phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 47. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của CKĐA và không nhất thiết phải là cổ đông của CKĐA, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, trung thực và hiểu biết pháp luật;

d) Không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của CKĐA nhưng có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;

e) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA trong từng thời kỳ.

2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập HĐQT của CKĐA có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho CKĐA, công ty con của CKĐA; không phải là người đã từng làm việc cho CKĐA, công ty con của CKĐA ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ CKĐA, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của CKĐA; là Người quản lý của CKĐA hoặc Người quản lý doanh nghiệp tại công ty con của CKĐA;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CKĐA;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên của CKĐA ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

f) Không phải là người đã từng làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho CKĐA trong hai (02) năm gần nhất;

g) Không phải là đối tác hoặc Người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với CKĐA chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của CKĐA trong hai (02) năm gần nhất;

h) Không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác

i) Tối thiểu 1/3 số lượng thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành

j) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA trong từng thời kỳ.

3. Thành viên HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, HĐQT sẽ thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành

viên độc lập HĐQT đó trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 48. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT sẽ đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên HĐQT đó là Người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;

b) Mất tư cách là Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này.

2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Sau khi đương nhiên bị mất tư cách hoặc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách thành viên HĐQT, thành viên đó vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

6. Trừ khi pháp luật có quy định khác, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 49. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT

1. HĐQT bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số.

Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc CKĐA, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

Phó Chủ tịch HĐQT có thể là thành viên không tham gia điều hành CKĐA.

ĐHĐCĐ có quyền phủ quyết kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật nếu xét thấy không phù hợp và vì lợi ích của CKĐA.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thay mặt HĐQT triệu tập và chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ;

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, trong đó, nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT được thể hiện dưới dạng văn bản, có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT hoặc để lấy ý kiến của các thành viên HĐQT; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;

e) Giám sát, chỉ đạo quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, bao gồm cả việc giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và các công việc được phân công;

f) Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian tối thiểu cần thiết để nghiên cứu, thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;

g) Đảm bảo rằng người lao động của CKĐA có thể báo cáo với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên độc lập HĐQT về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động sản xuất - kinh doanh và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm quy tắc đạo đức của doanh nghiệp;

h) Ủy quyền, phân công cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên khác của HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch HĐQT đương nhiên được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Phó Chủ tịch HĐQT cũng đồng thời vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT; trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT tuyển dụng Thư ký CKĐA để hỗ trợ HĐQT

và Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký CKĐA có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép và lập các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị CKĐA;

d) Hỗ trợ CKĐA trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e) Hỗ trợ CKĐA trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

f) Đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA;

g) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA.

Điều 50. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT, bao gồm cả Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT, có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Cùng các thành viên khác của HĐQT quản trị CKĐA theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA, bảo đảm vì lợi ích của CKĐA và cổ đông;

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA và phân công của Chủ tịch HĐQT;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT;

d) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA và đóng góp vào việc xây dựng chiến lược, định hướng phát triển và kế hoạch kinh doanh của CKĐA trong từng thời kỳ;

e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được Chủ tịch HĐQT phân công, bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;

f) Tham dự các cuộc họp HĐQT; thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung của cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì xung đột lợi ích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

g) Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập họp bất thường HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

h) Yêu cầu Tổng giám đốc, các Người quản lý khác và Người đại diện theo ủy quyền của CKĐA tại công ty con, công ty liên kết của CKĐA cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA và các đơn vị có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của mình;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA.

Điều 51. Cuộc họp HĐQT

1. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ HĐQT và trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý của CKĐA;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên điều hành của HĐQT;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với CKĐA; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

5. Trừ cuộc họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT đã đăng ký với CKĐA.

Riêng đối với cuộc họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ HĐQT, người triệu tập và chủ trì quy định tại khoản 1 Điều này chỉ cần thông báo cho các thành viên ít nhất trước hai (02) giờ làm việc sau khi có kết quả bầu thành viên HĐQT của ĐHĐCĐ.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với thành viên HĐQT.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Nếu pháp luật không có quy định khác, trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc mà việc tổ chức và tiến hành được thực hiện một cách hợp lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp đó trong biên bản họp HĐQT.

9. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT còn lại chấp thuận.

Điều 52. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của CKĐA;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết, trong đó, ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CKĐA.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 53. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Người quản lý khác và Người đại diện theo ủy quyền của CKĐA tại công ty con, công ty liên kết của CKĐA cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA và của các đơn vị thành viên.

2. Người quản lý, Người đại diện theo ủy quyền của CKĐA tại công ty con, công ty liên kết của CKĐA được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Điều 54. Các ban, tiểu ban thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT (nếu có)/ Thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm trưởng Tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số các thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 55. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

MỤC 5. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 56. Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc sản xuất - kinh doanh hàng ngày của CKĐA; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực thi các quyền và nghĩa vụ được giao.

Trừ trường hợp HĐQT có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc sản xuất - kinh doanh hàng ngày của CKĐA trong phạm vi thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA và thông lệ quản lý tốt nhất mà không cần phải có nghị quyết, quyết định của HĐQT;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của CKĐA;

d) Kiến nghị số lượng và cơ cấu tổ chức của các phòng, ban, phân xưởng và đơn vị tương đương của CKĐA, Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA. Ban hành các quy định nội bộ để vận hành hệ thống điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ này và trong phạm vi phân cấp, ủy quyền của HĐQT;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong CKĐA, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT;

f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong CKĐA, kể cả Người quản lý của CKĐA thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc theo Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA và trong phạm vi ngân sách đã được HĐQT phê duyệt;

g) Ký hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CKĐA sau khi đã báo cáo và được HĐQT cho ý kiến không phản đối, hoặc theo phân cấp, ủy quyền cụ thể của HĐQT;

h) Tuyển dụng lao động trong phạm vi định biên, kế hoạch lao động đã được HĐQT phê duyệt hàng năm;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j) Chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình;

k) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc sản xuất - kinh doanh hàng ngày của CKĐA theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với CKĐA, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho CKĐA thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho CKĐA.

Điều 57. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, trung thực và hiểu biết pháp luật.

3. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, kiểm soát viên của CKĐA.

5. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA trong từng thời kỳ.

MỤC 6. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, LỢI ÍCH KHÁC VÀ NGHĨA VỤ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN, THÀNH VIÊN HĐQT, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CKĐA

Điều 58. Thù lao, tiền lương, lợi ích khác của Kiểm soát viên, thành viên HĐQT

và Tổng giám đốc

1. CKĐA có quyền trả thù lao hoặc lương cho thành viên HĐQT, trả lương hoặc thù lao cho Kiểm soát viên, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và Người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng lương hoặc thù lao công việc và tiền thưởng, Kiểm soát viên được hưởng lương hoặc thù lao công việc. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của Kiểm soát viên, thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. Ban kiểm soát, HĐQT dự tính mức thù lao tương ứng cho từng thành viên của mình theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Ban kiểm soát và HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

4. Thành viên HĐQT có thể được CKĐA mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ CKĐA.

5. Kiểm soát viên, thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Tổng mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này và các chi phí quy định tại khoản này phải nằm trong tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát và HĐQT đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

6. Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do HĐQT quyết định.

7. Thù lao của Kiểm soát viên, thành viên HĐQT, tiền lương của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người quản lý khác cùng chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và HĐQT quy định tại tại khoản 3 Điều này được tính vào chi phí kinh doanh của CKĐA theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của CKĐA, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 59. Công khai các lợi ích liên quan

1. CKĐA tập hợp và cập nhật danh sách những Người có liên quan của CKĐA theo quy định của pháp luật và các giao dịch tương ứng của họ đối với CKĐA.

2. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người quản lý khác phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với CKĐA, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với CKĐA trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) CKĐA thông báo danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của CKĐA; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của CKĐA;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) CKĐA tạo điều kiện để những người quy định tại tiết c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những Người có liên quan của CKĐA và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai Người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như đối với thông tin trên Sổ cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

5.Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của CKĐA đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước HĐQT, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về CKĐA.

Điều 60. Trách nhiệm của Người quản lý của CKĐA

1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người quản lý khác của CKĐA có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA;

b) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực và theo cách thức mà mình tin là có lợi ích cao nhất cho CKĐA, với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự;

c) Trung thành với lợi ích của CKĐA và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của CKĐA, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của CKĐA để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho CKĐA về doanh nghiệp mà họ và Người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của CKĐA;

e) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa CKĐA, công ty con, công ty khác do CKĐA nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, CKĐA phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

f) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

g) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

h) Giao dịch giữa CKĐA với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho công ty và bên thứ ba.

3. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên

quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 61. Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

1. Trừ khi pháp luật có quy định khác, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh CKĐA khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ Người quản lý của CKĐA theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của CKĐA để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của CKĐA để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh CKĐA sẽ tính vào chi phí của CKĐA, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 62. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa CKĐA với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của CKĐA và những Người có liên quan của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Điều lệ này.

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CKĐA, trừ khi pháp luật có quy định khác. Trường hợp này, người đại diện CKĐA ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời, kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 32 của Điều lệ này..

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều này, gây thiệt hại cho CKĐA; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho CKĐA các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 63. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

HĐQT, Ban kiểm soát có quyền thuê nhân viên tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình bằng chính chi phí của CKĐA và phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ Người quản lý nào.

MỤC 7. CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA CKĐA

Điều 64. Trình báo cáo hàng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của CKĐA;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành CKĐA;

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của CKĐA phải được kiểm toán độc lập trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của CKĐA chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cổ đông sở hữu cổ phần của CKĐA liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 65. Công khai thông tin của CKĐA

1. CKĐA phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. CKĐA công bố trên website của mình các thông tin sau đây:

a) Điều lệ CKĐA;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc;

c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của HĐQT và Ban kiểm soát.

3. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, khi chưa niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, CKĐA phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền nơi đóng trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. CKĐA thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng

khoán.

Điều 66. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của CKĐA hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc các quy định hành chính khác giữa:

a) Cổ đông với CKĐA;

b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Người quản lý khác của CKĐA;các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án hay Trọng tài được thực hiện theo phán quyết của các cơ quan này.

MỤC 8. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 67. Lao động và công đoàn

Tất cả các vấn đề liên quan đến người lao động của CKĐA, bao gồm nhưng không giới hạn bởi hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và ngày nghỉ, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động phải được ghi nhận tại Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể của CKĐA, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của CKĐA.

Chương IV. MỐI QUAN HỆ GIỮA CKĐA VỚI ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 68. Quan hệ với đơn vị hạch toán phụ thuộc

1. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc CKĐA thực hiện hoạt động sản xuất - kinh doanh, hạch toán kế toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của CKĐA và được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc CKĐA do HĐQT phê duyệt.

3. CKĐA chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết hợp

pháp của các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo đúng quy định của pháp luật.

4. CKĐA thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đối với những đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Quan hệ với công ty con, công ty liên kết

1. CKĐA giao quyền cho Người đại diện theo ủy quyền của CKĐA trực tiếp thay mặt CKĐA quản lý các khoản đầu tư của CKĐA tại các công ty con, công ty liên kết trong phạm vi Điều lệ của các công ty này.

2. CKĐA quyết định mức đầu tư vào công ty con, công ty liên kết thành lập mới, điều chỉnh tăng hoặc thoái vốn đầu tư đối với các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động, bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật và chiến lược, kế hoạch kinh doanh của CKĐA trong từng thời kỳ.

3. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo ủy quyền của CKĐA tại các công ty con, công ty liên kết được xác định theo quy chế do HĐQT ban hành và tại từng quyết định cử Người đại diện theo ủy quyền cụ thể.

4. CKĐA thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đối với công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

Chương V. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 70. Hệ thống kế toán

1. CKĐA sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Năm tài chính của CKĐA bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm đó.

3. CKĐA sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Các sổ sách kế toán của CKĐA được lập bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh

1. HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên phương án phân chia lợi nhuận hàng năm.

2. Trường hợp hoạt động sản xuất - kinh doanh của CKĐA phát sinh lỗ trên báo cáo tài chính năm thì được chuyển số lỗ đó sang năm tài chính tiếp theo; số lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế theo quy định của pháp luật, trong đó, thời gian được chuyển lỗ không quá năm (05) năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ, trừ khi pháp luật có quy định khác.

3. Lợi nhuận hàng năm trên báo cáo tài chính của CKĐA được phân phối, sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Chia lãi cho các đơn vị liên kết với CKĐA theo quy định của hợp đồng (nếu có);

c) Bù đắp các khoản lỗ từ năm trước đã hết thời hạn được chuyển lỗ theo quy định của pháp luật;

d) Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật;

e) Trích lập các quỹ của CKĐA theo quy định tại Quy chế tài chính của CKĐA trong từng thời kỳ;

f) Chia cổ tức cho cổ đông.

Chương VI. GIẢI THỂ

Điều 72. Các trường hợp và điều kiện giải thể CKĐA

1. CKĐA bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp này, trình tự, thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. CKĐA chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, đồng thời, không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Trường hợp CKĐA bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Người quản lý có liên quan và CKĐA cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của CKĐA.

Điều 73. Trình tự, thủ tục giải thể CKĐA

Trình tự, thủ tục giải thể CKĐA theo quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện như sau:

1. Thông qua quyết định giải thể CKĐA. Quyết định giải thể CKĐA có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của CKĐA;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của CKĐA;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

2. HĐQT tổ chức thanh lý tài sản của CKĐA theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong CKĐA; đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của CKĐA.

Trường hợp CKĐA còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết

định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Các khoản nợ của CKĐA được thanh toán theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế;

c) Các khoản nợ khác.

5. Sau khi thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể CKĐA, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

6. Người đại diện theo pháp luật của CKĐA gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của CKĐA, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ CKĐA

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ của CKĐA được ĐHĐCĐ xem xét quyết định theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của CKĐA nhưng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của CKĐA.

Điều 75. Điều khoản chung

1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của CKĐA cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài (nếu có) tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Điều lệ này gồm bảy (07) chương, bảy mươi lăm (75) điều được ĐHĐCĐ của CKĐA thông qua hợp lệ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và có hiệu lực kể từ khi được thông qua.

3. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc CKĐA có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

4. Điều lệ này được các thành viên HĐQT ký từng trang, được lập thành 10 bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:

a) Một (01) bản nộp Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Tám (08) bản lưu tại CKĐA;

c) Một (01) bản gửi về Tổng công ty LICOGI - CTCP.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ CKĐA có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định quản trị nội bộ của CKĐA và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Điều lệ này được thông qua và ban hành tại thành phố Hà Nội, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100106391 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI
H. ĐÔNG ANH - T.P HÀ NỘI

Lã Quý Duẩn